

Bản án số: 906/2024/DS-ST

Ngày: 22/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Lang
- Ông Trần Văn Phú

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0563/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: Lầu H, 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh T (Theo Giấy ủy quyền số 1047/2023/UQ-TGD ngày 14/4/2023).

Bị đơn: Ông Trương Minh N; cư trú tại: C P (số mới 8 P), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2023, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng trình bày: Ngày 08/4/2015, ông N có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng (gồm thẻ VS payWave Cre Classic 472074-5392, thẻ

Family L-NOTISSUE 970403-7611) với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.379.000 đồng (trong đó thẻ V 472074-5392 là 15,319,000 đồng, thẻ F-NOTISSUE 970403-7611 là 7,060.000 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15,012,686 đồng (trong đó thẻ VS payWave Cre Classic 472074-5392 là 9,970,000 đồng, thẻ Family L-NOTISSUE 970403-7611 là 5,042 686 đồng), thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/08/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông N (trong đó thẻ VS payWave Cre Classic 472074-5392 ngày 01/08/2016, thẻ Family L-NOTISSUE 970403-7611 ngày 7/9/2016) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 22/5/2024, ông N còn nợ số tiền tổng cộng 38.028.803 đồng, trong đó thẻ (trong đó thẻ VS payWave Cre Classic 472074-5392 là 27.425.314 đồng gồm nợ gốc là 6.745.462 đồng, lãi quá hạn là 20.679.852 đồng và thẻ Family Local Credit-NOTISSUE 970403-7611 là 16.423.553 đồng gồm nợ gốc là 3.586.353 đồng, lãi quá hạn là 12.837.200 đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trương Minh N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2024 là 43,848,867 đồng (Bằng chữ: bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó: nợ gốc là 10,331,815 đồng, lãi quá hạn là 33.517.052 đồng.

Và Ông Trương Minh N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[2]. Bị đơn là ông Trương Minh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy

định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Trương Minh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán ngay tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/5/2024 là 43,848,867 đồng (Bằng chữ: bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó: nợ gốc là 10,331,815 đồng, lãi quá hạn là 33.517.052 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/4/2015, bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bảng tóm tắt sao kê có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định nguyên đơn có cấp cho bị đơn 2 thẻ tín dụng gồm thẻ VS payWave Cre Classic 472074-5392 và thẻ Family L-NOTISSUE 970403-7611 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/4/2015 đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 122, Điều 405 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Căn cứ bảng tóm tắt sao kê, bị đơn có sử dụng các thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic 472074-5392 và Family L- NOTISSUE 970403-7611 do nguyên đơn cấp với số tiền giao dịch là 22.379.000 đồng (trong đó thẻ V 472074-5392 là 15,319,000 đồng, thẻ F- NOTISSUE 970403-7611 là 7,060.000 đồng), bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 15,012,686 đồng (trong đó thẻ V 472074-

5392 là 9,970,000 đồng, thẻ Family L-NOTISSUE 970403-7611 là 5,042 686 đồng). Kể từ ngày 31/5/2016 đối với thẻ VS payWave Cre Classic 472074-5392 và từ ngày 05/6/2016 đối với thẻ Family L-NOTISSUE 970403-7611, bị đơn đã không thanh toán thêm bất cứ khoản nợ nào cho nguyên đơn. Việc bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn là vi phạm Điều 2 bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ VS payWave Cre Classic 472074-5392 ngày 01/08/2016, thẻ Family Local Credit-NOTISSUE 970403-7611 ngày 7/9/2016 của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 22/5/2024, bị đơn còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc là 10,331,815 đồng, lãi quá hạn là 33.517.052 đồng.

Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N1 hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N1 được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn phải trả nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/5/2024 là 43,848,867 đồng (Bằng chữ: bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó: nợ gốc là 10,331,815 đồng, lãi quá hạn là 33.517.052 đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/4/2015.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.192.443 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 122, Điều 405, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Trương Minh N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 22/5/2024 là 43,848,867 đồng (Bằng chữ: bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó: nợ gốc là 10,331,815 đồng, lãi quá hạn là 33.517.052 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 23/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Trương Minh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 08/4/2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Minh N phải chịu là 2.192.443 đồng. H cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 951.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0019679 ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S và ông Trương Minh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương